

Số: /2026/QĐ-UBND

Huế, ngày tháng 8 năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho 29 nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 và Văn bản hợp nhất số 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 và Văn bản hợp nhất số 5828/VBHN-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Hướng dẫn số 120/HD-UBND ngày ngày 15 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về Quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật cho 29 nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Huế, gồm:

1. Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn và An toàn vệ sinh thực phẩm, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 01)
2. Nghiệp vụ lưu trú, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 02)
3. Kỹ thuật pha chế đồ uống, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 03)
4. Nhân viên xoa bóp, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 04)
5. Kỹ thuật trồng cây ăn quả, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 05)

6. Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gà, lợn, dê, trâu, bò, thỏ, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 06)
7. May công nghiệp, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 07)
8. Biểu diễn ca Huế, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 08)
9. Biểu diễn thanh nhạc, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 09)
10. Tin học ứng dụng, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 10)
11. Nghiệp vụ bán hàng và chăm sóc khách hàng, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 11)
12. Điện dân dụng, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 12)
13. Kỹ thuật lắp đặt điện nội thất, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 13)
14. Hàn, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 13)
15. Vận hành máy xúc – đào, trình độ sơ cấp (được quy định tại Phụ lục số 14)
16. Kỹ thuật trồng và chăm sóc hoa, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 15)
17. Kỹ thuật trồng nấm rơm, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 16)
18. Kỹ thuật trồng rau an toàn, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 17)
19. Kỹ thuật trồng cây dược liệu, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 18)
20. Nuôi cá nước lợ, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 19)
21. Nuôi cá nước ngọt, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 20)
22. Nghệ thuật trang điểm, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 21)
23. Kỹ thuật Mây tre đan, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 22)
24. Kỹ thuật làm nón lá, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 23)
25. Kỹ thuật làm hương, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 24)
26. Mộc Mỹ nghệ, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 25)
27. Nề hoàn thiện, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 26)
28. Thương mại điện tử, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 27)
29. Sửa chữa máy nổ công suất nhỏ, trình độ dưới 3 tháng (được quy định tại Phụ lục số 29)

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho 29 nghề đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Huế;
- b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Thường trực: Thành ủy; HĐND thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Công TTĐT thành phố, Báo và PTTH thành phố;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố;
- VPUB thành phố;
- Lưu: VT, VX;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thùy Giang

